

Bản án số: 135/2019/HS-ST
Ngày: 30 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ G - TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thùy Linh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Cao Trọng Mạnh

2. Bà Đoàn Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Danh Thị Sà Ron - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoài Thương - Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2019/TLST-HS ngày 06 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2019/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Lê Thanh T, sinh ngày 05/5/1992. Tại G, tỉnh Kiên Giang; Nơi đăng ký thường trú và chỗ ở: Số nhà 149 đường T4, phường T5, thành phố G, tỉnh Kiên Giang; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 3/12; Dân tộc: Kinh; Giới Th: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Trọng M (đã chết) và bà Lê Thị Kim Đ (đã chết); Anh em ruột có 03 người: Lớn nhất sinh năm 1989, nhỏ nhất sinh năm 2000; Vợ: Chưa có; Con: Chưa có.

Tiền án: Ngày 07/02/2018 bị Tòa án nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang xử phạt 09 tháng tù, về tội “Trộm cắp tài sản”, đến ngày 04/8/2018 chấp hành xong hình phạt, chưa xóa án tích.

Tiền sự: Ngày 23/01/2017, bị Công an phường Vĩnh Thanh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 750.000 đồng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa đóng phạt.

Ngày 28/06/2017, bị Công an phường Vĩnh Thanh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.000.000 đồng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, chưa đóng phạt.

Ngày 17/7/2017, bị Công an phường Vĩnh Thanh xử phạt vi phạm hành chính số tiền 1.500.000 đồng, về hành vi “Trộm cắp tài sản”, chưa đóng phạt.

Ngày 28/3/2018 bị Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Vĩnh Thanh ra Quyết định áp dụng biện pháp giáo dục tại xã, phường, thị trấn, thời hạn 03 tháng, về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”, đang chấp hành; tất cả tiền sự đều chưa được xóa.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 20/5/2019.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

1. Võ Minh K, sinh năm 1993 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 60 đường Nguyễn N, phường B, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

2. Huỳnh Thị P, sinh năm: 1966 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 160B đường T6, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Phạm Ngọc T2, sinh năm 1985 (Có mặt)

Địa chỉ: Số nhà 251 đường T7, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang

2. Võ Mạnh T3, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà 104 đường T6, phường Q, thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có tiền mua ma túy sử dụng, Lê Thanh T đã đi quanh khu vực G tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, cụ thể: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/5/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66 đi ngang nhà đang xây dựng tại số 160B đường Võ Trường Toàn, phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang do bà Huỳnh Thị P trực tiếp quản lý thì thấy trong nhà có 01 số chân đèn giáo bằng kim loại dùng để bắt đèn trong xây dựng dân dụng, không có ai trông coi. Lúc này, bị cáo T quay đầu xe lại và lén lút vào lấy 02 chân đèn giáo, sau đó để lên xe chở đến vừa mua phế liệu bán cho Phạm Ngọc T2 với giá 220.000 đồng (anh T2 không biết tài sản do trộm cắp mà có). Sau khi có tiền T lấy 20.000 đồng đổ xăng, còn lại 200.000 đồng giữ trong người. Bị mất tài sản bà P đến trình báo Công an, sau đó Cơ quan Công an mời bị cáo T làm việc và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình (*Bút lục số 59, 60, 61, 62, 69, 70, 87, 88*). Trong thời gian chờ định giá tài sản và thực hiện các quy định khác để T3 hành khởi tố bị cáo, bị cáo T được bảo lãnh về nhà. Đến ngày 10/5/2019 khoảng 14 giờ 00 phút, bị cáo T tiếp tục đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà số

61/606 khu phố Vĩnh Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G, tỉnh Kiên Giang thì phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm soát 68T8-1084 của anh Võ Minh K đang đậu trước nhà, không có ai trông coi nên bị cáo T đến bứt dây khóa xe chạy xe đi. Sau khi lấy được chiếc xe bị cáo đem bán cho anh Võ Mạnh T3 với giá 350.000 đồng (anh T3 không biết xe do trộm cắp mà có), số tiền có được bị cáo tiêu xài cá nhân hết (*Bút lục từ số 71 đến 76*).

Vật chứng trong vụ án: 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68T8-1084; 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66; tiền Việt Nam 200.000 đồng; 02 chân đèn giáo bằng kim loại.

* **Tại bản kết luận định giá tài sản số 86/KL-HĐĐG** ngày 03/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố G xác định: 02 chiếc chân đèn giáo dùng trong xây dựng bằng kim loại trị giá 286.000 đồng; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu WIZARD màu đỏ đen, biển số 68T8-1084 trị giá 2.000.000 đồng (*Bút lục số 15*).

Xử lý vật chứng: 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu WIZARD màu đỏ đen, biển số 68T8-1084 đã trao trả cho bị hại Võ Minh K; 02 chiếc chân đèn giáo bằng kim loại dùng trong xây dựng đã trao trả cho bị hại Huỳnh Thị P; tiền Việt Nam 200.000 đồng đã trao trả cho anh Phạm Ngọc T2. Riêng 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66 của bị cáo, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội nên được nhập kho vật chứng.

Về trách nhiệm dân sự: Huỳnh Thị P, Võ Minh K đã nhận lại đủ tài sản bị mất trộm nên không yêu cầu gì thêm; Phạm Ngọc T2 đã nhận lại 200.000 đồng, số tiền còn lại 20.000 đồng anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường; anh Võ Mạnh T3 không yêu cầu bị cáo trả lại tiền mua xe 350.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số: 139/CT-VKS, ngày 06 tháng 8 năm 2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang đã truy tố bị cáo Lê Thanh T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận của Hội đồng định giá tài sản nêu trên.

Tại phiên tòa, bị cáo hoàn toàn thống nhất với kết luận định giá tài sản của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự của thành phố G, đồng thời bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bị cáo phù hợp với bản kết luận điều tra của Cơ quan điều tra Công an thành phố G và bản cáo trạng truy tố của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm

tội “Trộm cắp tài sản”; áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ Luật hình sự; xử phạt bị cáo Lê Thanh T từ 09 (Chín) tháng đến 12 (Mười hai) tháng tù.

Về phần dân sự: Huỳnh Thị P, Võ Minh K, Phạm Ngọc T2 đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác; Võ Minh T3 không yêu cầu bị cáo trả lại tiền mua xe 350.000 đồng; nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về biện pháp tư pháp: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tuyên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội.

*** Lời nói sau cùng của bị cáo:** Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, bản thân bị cáo biết sai trái, ăn năn, hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sửa đổi bản thân, sớm trở về chăm lo cho gia đình và làm người công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố G, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Để có tiền mua ma túy sử dụng, Lê Thanh T đã đi quanh khu vực Rạch Giá tìm tài sản sơ hở để trộm cắp, Từ ngày 07/5/2019 đến ngày 10/5/2019 bị cáo đã thực hiện 02 vụ trộm cắp tài sản, cụ thể: Vào khoảng 11 giờ 00 phút ngày 07/5/2019, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66 đi ngang nhà đang xây dựng tại số 160B đường Võ Trường Toản, phường Vĩnh Quang, thành phố G, tỉnh Kiên Giang, lợi dụng nhà không ai trông coi nên bị cáo lén lút vào lấy trộm của bà Huỳnh Thị P 02 chân đèn giáo bằng kim loại (qua định giá trị giá 286.000 đồng). Sau khi lấy được tài sản bị cáo đem bán cho Phạm Ngọc T2 với giá 220.000 đồng. Số tiền có được bị cáo T lấy 20.000 đồng đổ xăng, còn lại 200.000 đồng giữ trong người. Sau đó Cơ quan Công an mời bị cáo T làm việc và đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình. Trong thời gian được tại ngoại, vào khoảng 14 giờ 00 phút ngày 10/5/2019, bị cáo T tiếp tục đi tìm tài sản sơ hở để trộm cắp. Khi đi đến nhà số 61/606 khu phố Vĩnh Phát, phường Vĩnh Hiệp, thành phố G thì phát hiện 01 xe mô tô biển kiểm

soát 68T8-1084 (qua định giá trị giá 2.000.000 đồng) của anh Võ Minh K đang đậu trước nhà, không có ai trông coi nên bị cáo T đến bức dây khóa xe và chạy xe đi. Sau khi lấy được chiếc xe bị cáo đem bán cho anh Võ Mạnh T3 với giá 350.000 đồng, số tiền có được bị cáo tiêu xài cá nhân hết.

Xét lời khai nhận của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với kết luận điều tra, nội dung bản cáo trạng và lời khai của bị hại, cùng với các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ được. Tại khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm...”*

Như vậy, hành vi của bị cáo Lê Thanh T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ Luật hình sự như viện dẫn trên.

Xét về Th chất, mức độ và hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, mặc dù bị cáo ý thức được việc trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vì muốn có tiền mua ma túy sử dụng nên bị cáo đã bất chấp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác một cách trái pháp luật. Hành vi phạm tội của bị cáo với lỗi cố ý trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật thừa nhận và bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến cuộc sống gia đình bị hại, làm mất an ninh, trật tự ở địa phương và gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Do đó, cần xử bị cáo một mức hình phạt thật tương xứng đối với tội trạng của bị cáo và cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định; nhằm có tác dụng răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành người công dân tốt; đồng thời cũng nhằm ngăn ngừa chung.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo đã có 01 tiền án, chưa được xóa án tích, sau đó tiếp tục phạm tội là thuộc trường hợp tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản được thu hồi giao trả lại cho bị hại Huỳnh Thị P, Võ Minh K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc T2. Do đó, cần cho bị cáo hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Qua xem xét, đánh giá Th chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; bị cáo Lê Thanh T là đối tượng có nhiều tiền sự, đã nhiều lần bị Cơ quan Công an và UBND phường Vĩnh Thanh Vân xử phạt hành chính giáo dục tại xã, phường, thị trấn về hành vi “Sử dụng trái phép chất ma túy và “Trộm cắp tài sản”, chưa lần nào được xóa tiền sự và 01 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích, nay bị cáo lại tiếp tục phạm tội nên Hội đồng xét xử thống nhất xử phạt bị cáo mức án nghiêm khắc bằng hình phạt tù

có thời hạn, giam giữ bị cáo trong thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành một công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

[5] Về hình phạt bổ sung: Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa đã cho thấy bị cáo là người không có nghề nghiệp, điều kiện kinh tế gia đình khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Huỳnh Thị P, Võ Minh K đã nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác; Phạm Ngọc Th đã nhận lại số tiền 200.000 đồng, còn lại 20.000 đồng anh T2 không yêu cầu bị cáo bồi thường; anh Võ Mạnh T3 không yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền cầm xe 350.000 đồng; nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về biện pháp tư pháp: Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước 01 xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66 không rõ nguồn gốc, là phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội; buộc bị cáo nộp vào ngân sách nhà nước số tiền phạm tội mà có 370.000 đồng (trong đó 20.000 đồng là của anh Th, 350.000 đồng của anh T3; anh Th và anh T3 không yêu cầu bị cáo trả lại).

[8] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Đối với việc Lê Thanh T bán dần giáo cho Phạm Ngọc Th, cầm xe cho Võ Mạnh T3; anh Th và anh T3 đều không biết tài sản là do bị cáo trộm cắp mà có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Lê Thanh T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Lê Thanh T 01 (Một) năm tù. Thời hạn tù Th kể từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam (ngày 20/5/2019).

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Huỳnh Thị P, Võ Minh K và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Phạm Ngọc T2, Võ Mạnh T3 không yêu cầu gì khác nên miễn xét.

Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 (Một) xe mô tô biển kiểm soát số 68X1-038.66 không rõ nguồn gốc (Theo Quyết định chuyển vật chứng số 86/QĐ-VKS ngày 06/8/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố G, tỉnh Kiên Giang); buộc bị cáo nộp vào ngân sách Nhà nước khoản thu lợi bất chính từ việc phạm tội là 370.000 đồng (Ba trăm bảy mươi nghìn đồng).

- Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ Luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; buộc bị cáo Lê Thanh T phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 30/8/2019). Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- Viện kiểm sát cùng cấp;
- Cơ quan THA Dân sự Tp.G;
- Công an thành phố G;
- Bị cáo, người TGTT;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Thùy Linh